

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐIỆN BIÊN

GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC: LUẬT NGÂN HÀNG
NGÀNH: DỊCH VỤ PHÁP LÝ
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1158/QĐ-CDKTKT ngày 08 tháng 12 năm 2022
của Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên)*

Điện Biên, năm 2022

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm

LỜI GIỚI THIỆU

Thực tiễn đã chứng minh hoạt động ngân hàng có vai trò quan trọng đối với đời sống kinh tế xã hội song ẩn chứa nhiều rủi ro. Việc kiểm soát rủi ro trong hoạt động, quản trị nội bộ của các tổ chức tín dụng ngày càng trở nên quan trọng, nhất là trong điều kiện nền kinh tế mở và hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay. Nghiên cứu, giảng dạy môn Luật Ngân hàng đã được thực hiện tại Khoa Luật – Hành chính trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên. Việc biên soạn giáo trình đáp ứng yêu cầu đào tạo là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Khoa trong thời gian vừa qua. Do vậy, việc biên soạn giáo trình Luật Ngân hàng là để thực hiện nhiệm vụ quan trọng này. Mặc dù đã cố gắng hết sức, song việc kế thừa, thể hiện kết quả nghiên cứu của tác giả chắc chắn không tránh khỏi những sai sót và tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của anh chị em đồng nghiệp, các bạn sinh viên về nội dung của giáo trình để giúp tác giả tiếp tục nghiên cứu để xây dựng giáo trình ngày càng hoàn thiện và đáp ứng được tốt nhất nhu cầu tìm hiểu lĩnh vực pháp luật ngân hàng. Trân trọng cảm ơn.

Trân trọng giới thiệu cùng quý bạn đọc.

Điện Biên, ngày 28 tháng 11 năm 2022

Tham gia biên soạn

Chủ biên: GV. Phạm Thị Huyền

MỤC LỤC

Contents

Chương I: Tổng quan về pháp luật ngân hàng Việt Nam	7
1.1. Khái quát về hoạt động ngân hàng	7
1.1.1. Sự ra đời của hoạt động ngân hàng	7
1.1.2. Khái niệm hoạt động ngân hàng	8
1.1.3. Cấu trúc của hệ thống ngân hàng	9
1.1.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của hệ thống ngân hàng tại Việt Nam	12
1.2. Khái quát về hệ thống pháp luật ngân hàng ở Việt Nam	12
1.2.1. Khái niệm	12
1.2.2. Các nguyên tắc của pháp luật ngân hàng Việt Nam	13
Chương II: Pháp luật về tổ chức và hoạt động của ngân hàng nhà nước	14
2.1. Vị trí pháp lý và chức năng của ngân hàng nhà nước	15
2.1.1. Vị trí pháp lý	15
2.1.2. Chức năng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	15
2.2. Tổ chức, quản trị và điều hành ngân hàng nhà nước	16
2.2.1. Hệ thống tổ chức	16
2.2.2. Lãnh đạo và điều hành Ngân hàng Nhà nước	17
2.3. Hoạt động của ngân hàng nhà nước	17
2.3.1. Thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia	17
2.3.2. Phát hành tiền	19
2.3.3. Hoạt động tín dụng	21
2.3.4. Mở tài khoản, hoạt động thanh toán và ngân quỹ	22
2.3.5. Quản lý ngoại hối và hoạt động ngoại hối	22
2.3.6. Thanh tra, giám sát ngân hàng	22
Chương III: Pháp luật về tổ chức và hoạt động của các tổ chức tín dụng	25
3.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại các tổ chức tín dụng	25
3.1.1. Khái niệm và đặc điểm	25
3.1.2. Phân loại	27
3.2. Quy chế thành lập, cấp giấy phép hoạt động của các tổ chức tín dụng	28
3.2.1. Điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động của TCTD	28
3.2.2. Cấp, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động	29
3.2.3. Điều kiện khai trương hoạt động	30
3.3. Tổ chức và điều hành các tổ chức tín dụng	31
3.3.1. Cơ cấu tổ chức các Tổ chức tín dụng	31

3.3.2. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	31
3.4. Hoạt động của tổ chức tín dụng	32
3.4.1. Hoạt động huy động vốn	32
3.4.2. Hoạt động cấp tín dụng.....	33
3.4.3. Hoạt động cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản	34
3.4.4. Các hoạt động kinh doanh khác.....	35
Chương IV: Pháp luật về huy động vốn của tổ chức tín dụng	40
4.1. Pháp luật về nhận tiền gửi	40
4.1.1. Khái niệm nhận tiền gửi.....	40
4.1.2. Các hình thức nhận tiền gửi.	40
4.1.3. Chủ thể trong quan hệ nhận tiền gửi.....	41
4.1.4. Các nghĩa vụ mà TCTD phải thực hiện nhằm bảo vệ quyền lợi của khách hàng ..	42
4.2. Pháp luật về vay vốn của các tổ chức tín dụng	42
4.2.1. Khái niệm	42
4.2.2. Giao dịch cho vay, đi vay giữa các tổ chức tín dụng	43
4.2.3. Giao dịch mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá của các TCTD	44
4.3. Pháp luật về vay vốn của Ngân hàng nhà nước	45
4.3.1. Khái niệm	45
4.3.2. Hình thức vay tái cấp vốn	46
4.3.3. Hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng.....	46
4.3.4. Hình thức cho vay vốn trong trường hợp đặc biệt	47
Chương V: Pháp luật về cấp tín dụng của tổ chức tín dụng giới thiệu	48
5.1. Khái quát về hoạt động cấp tín dụng.....	48
5.1.1. Khái niệm	48
5.1.2. Đặc điểm	48
5.2. Pháp luật về cho vay	49
5.2.1. Khái niệm	49
5.2.2. Phân loại hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng	50
5.3. Pháp luật về bảo lãnh ngân hàng	55
5.3.1. Khái niệm	55
5.3.2. Các loại hình bảo lãnh ngân hàng.....	58
5.3.3. Vai trò của bảo lãnh ngân hàng	59
5.3.4. Nội dung pháp luật điều chỉnh hoạt động bảo lãnh Ngân hàng.....	59
5.4. Pháp luật về cho thuê tài chính	62
5.4.1. Khái niệm	62

5.4.2. Đặc điểm	63
5.4.3. Vai trò	64
5.4.4. Nội dung pháp luật điều chỉnh hoạt động cho thuê tài chính.....	65
5.5. Pháp luật về bao thanh toán	68
5.5.1. Khái niệm	68
5.5.2. Đặc điểm hoạt động Bao thanh toán ở Việt Nam	68
5.5.3. Vai trò của hoạt động bao thanh toán	69
5.5.4. Các phương thức bao thanh toán.....	69
5.5.5. Pháp luật về hoạt động bao thanh toán	70
5.6. Pháp luật về hoạt động chiết khấu giấy tờ có giá	72
5.6.1. Khái niệm	72
5.6.2. Đặc điểm	72
5.6.3. Các phương thức chiết khấu giấy tờ có giá	73
5.6.4. Nội dung pháp luật điều chỉnh hoạt động chiết khấu giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng	73
Chương VI: Pháp luật về cung ứng dịch vụ thanh toán	76
6.1. Tổng quan về dịch vụ thanh toán.....	76
6.1.1. Khái niệm	76
6.1.2. Phân loại dịch vụ thanh toán	78
6.2. Quy định về mở và sử dụng tài khoản thanh toán	79
6.2.1. Mở tài khoản thanh toán	79
6.2.2. Quyền và nghĩa vụ các bên tham gia quan hệ thanh toán	82
6.3. Các hình thức thanh toán qua tài khoản.....	83
6.3.1. Thanh toán bằng séc: (cheque – check).....	83
6.3.2. Thanh toán bằng thẻ ngân hàng.....	85
6.3.3. Thanh toán bằng thư tín dụng	86
6.3.4. Thanh toán bằng uỷ nhiệm chi – chuyển tiền	87
6.3.5. Thanh toán bằng uỷ nhiệm thu	88

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC LUẬT NGÂN HÀNG

Tên môn học: Luật Ngân hàng

Mã môn học: C.LUNH. 2.220

Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học:

- Vị trí: Luật Ngân hàng là môn học cơ sở trong chương trình đào tạo ngành Dịch vụ pháp lý. Là môn học được bố trí sau khi học xong các môn học chung

- Tính chất:

+ Luật ngân hàng là môn khoa học pháp lý chuyên ngành cơ sở, cung cấp những kiến thức cơ bản về địa vị pháp lý của các chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh ngân hàng, nội dung pháp lý chủ yếu trong kinh doanh ngân hàng và quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng

+ Thông qua kiến thức chuyên môn về luật Ngân hàng người học nâng cao nhận thức về các vấn đề về pháp luật về Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Pháp luật về Tổ chức tín dụng; Pháp luật về huy động vốn của Tổ chức tín dụng; Pháp luật về cấp tín dụng của Tổ chức tín dụng; Pháp luật về dịch vụ thanh toán.

- Ý nghĩa và vai trò: Giáo trình Luật Ngân hàng có ý nghĩa và vai trò quan trọng, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo nghề.

Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

Môn học Luật Ngân hàng giúp người học trình bày được những kiến thức lý luật về lĩnh vực ngân hàng cũng như các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước về tiền tệ, các quy định của pháp luật về hoạt động ngân hàng.

- Mô tả được địa vị pháp lý của Ngân hàng Nhà nước Việt nam, địa vị pháp lý của các tổ chức tín dụng, tầm quan trọng của hoạt động ngân hàng và pháp luật ngân hàng trong nền kinh tế.

- Giúp người học trình bày được kiến thức về hệ thống ngân hàng, những quy định của pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng, các quy định của pháp luật về cơ cấu, tổ chức và hoạt động của các tổ chức tín dụng.

- Về kỹ năng:

+ Thu thập được thông tin, tổng hợp, so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá được các vấn đề của luật Tài Ngân hàng

+ Thành thạo một số kỹ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn trong lĩnh vực Ngân hàng

+ Vận dụng để giải quyết các công việc như phụ trách lĩnh vực pháp chế tại các tổ chức tín dụng, tư vấn pháp lý đối với các hoạt động liên quan đến lĩnh vực ngân hàng, thực hiện các công việc có liên quan đến hoạt động ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tự chủ động phân tích và giải quyết các tình huống cụ thể liên quan đến Luật Ngân hàng.

+ Tinh thần làm việc nghiêm túc, mạnh dạn bày tỏ quan điểm

+ Trung thực, cẩn trọng trong xử lý các vấn đề pháp lý về ngân hàng.

Nội dung của môn học:

Chương I: Tổng quan về pháp luật ngân hàng Việt Nam

Giới thiệu: Bài học gồm hai nội dung chính: Khái quát về hoạt động ngân hàng; Khái quát về hệ thống pháp luật ngân hàng ở Việt Nam giúp người học nhận thức được tầm quan trọng và ảnh hưởng của Luật Ngân hàng đến hoạt động tín dụng và quản lý Nhà nước về tín dụng cũng như các tác động của hệ thống ngân hàng đến nền kinh tế.

Mục tiêu: Bài học giới thiệu khái quát về hoạt động ngân hàng và hệ thống pháp luật ngân hàng Việt Nam. Sau khi học xong, người học trình bày được khái quát về hoạt động ngân hàng, hệ thống ngân hàng theo quy định hiện hành đồng thời hiểu được khái quát về hệ thống pháp luật ngân hàng Việt Nam.

Nội dung chính:

1.1. Khái quát về hoạt động ngân hàng

1.1.1. Sự ra đời của hoạt động ngân hàng

Hoạt động ngân hàng được ra đời từ các tiền đề sau:

Thứ nhất, xuất phát từ nhu cầu trao đổi tiền. Hoạt động trao đổi tiền đã có từ thời Hy Lạp và La Mã cổ đại. Xuất hiện những người chuyên thực hiện trao đổi tiền như công việc kinh doanh và kiếm lời.

Thứ hai, từ nhu cầu tích lũy của cải ở tầng lớp dân cư giàu có. Họ thường có nhu cầu được bảo quản và giữ gìn tài sản. Ở Châu Âu, thường bảo quản ở nhà thờ. Ở Trung Quốc, các hội buôn tiền không chỉ giữ gìn an toàn mà còn làm cho việc cất trữ chuyển nhượng dễ dàng hơn nhờ ngân phiếu.

Thứ ba, từ nhu cầu về vốn để đáp ứng hoạt động thương mại. Do hạn chế về thông tin và thiếu sự tin cậy nên người thừa vốn và thiếu vốn thường phải thực hiện thông qua người thứ ba. Những tiền đề trên đã làm xuất hiện một ngành kinh doanh mới mà hiện nay gọi là hoạt động ngân hàng.

1.1.2. Khái niệm hoạt động ngân hàng

Hiện nay các quốc gia thường liệt kê các hoạt động quốc gia đó chấp nhận là hoạt động ngân hàng.

VD:Luật Mỹ (90s): Ngân hàng là các tổ chức tài chính cung cấp một danh mục các dịch vụ tài chính đa dạng nhất – đặc biệt là tín dụng, tiết kiệm và dịch vụ thanh toán và thực hiện nhiều chức năng tài chính nhất so với bất kỳ một tổ chức kinh doanh nào trong nền kinh tế

Hoạt động ngân hàng thường được thể hiện bằng các hình thức sau:

- Nhận tiền gửi từ công chúng
- Cấp tín dụng
- Cung ứng dịch vụ hỗ trợ thanh toán
- Chuyển đổi tiền tệ
- Các nghiệp vụ khác

Ở Việt Nam, hoạt động ngân hàng được định nghĩa tại Khoản 12 Điều 4 Luật các TCTD 2010. Theo đó, cũng giống như các nước, hoạt động ngân hàng được định nghĩa bằng cách liệt kê các nghiệp vụ được chấp nhận là hoạt động ngân hàng. Theo đó, Hoạt động ngân hàng là việc kinh doanh, cung ứng một cách thường xuyên một hoặc một số nghiệp vụ sau: Nhận tiền gửi; Cấp tín dụng; Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản Từ khái niệm trên, có thể rút ra một số đặc trưng của hoạt động ngân hàng như sau:

- Hoạt động ngân hàng có đối tượng kinh doanh là tiền tệ
- Hoạt động ngân hàng tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro cao
- Hoạt động ngân hàng có tính chuyên môn, nghiệp vụ cao
- Hoạt động ngân hàng có tính hợp tác và tính quốc tế sâu sắc
- Phân biệt hoạt động ngân hàng với các hoạt động kinh doanh khác

STT	TIÊU CHÍ	HD NGÂN HÀNG	HD KINH DOANH KHÁC
1	Đối tượng	Tiền tệ và các dịch vụ tiền tệ	Các hoạt động kinh doanh khác; Tiền tệ chỉ là phương tiện để thực hiện
2	Chủ thể thực hiện	Là các TCTD	Tất cả các tổ chức cá nhân có đủ điều kiện

3	Tính chất	Mang tính đặc thù, bởi rủi ro mang tính dây truyền	Theo quy luật kinh tế thị trường và năng lực hoạt động
4	PL điều chỉnh	Luật Ngân hàng và Luật các TCTD, các Luật chuyên ngành khác: Luật phá sản, Doanh nghiệp...	Bộ luật Dân sự và Luật Thương mại, Luật chuyên ngành khác,...

1.1.3. Cấu trúc của hệ thống ngân hàng

Lịch sử hoạt động hệ thống ngân hàng Việt Nam có thể chia làm hai thời kỳ:

- Thời kỳ trước năm 1990: Hệ thống ngân hàng hoạt động theo mô hình 1 cấp.
- Thời kỳ sau năm 1990: Hệ thống ngân hàng hoạt động theo mô hình 2 cấp.

Mỗi thời kỳ lại có những đặc trưng, cách thức tổ chức hệ thống ngân hàng khác nhau, phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước.

Cụ thể:

- Thời kỳ trước năm 1990: Hệ thống ngân hàng hoạt động theo mô hình 1 cấp.

Thời kỳ này hệ thống ngân hàng Việt Nam được tổ chức như là hệ thống ngân hàng một cấp bao gồm Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hệ thống chi nhánh từ trung ương đến địa phương phân bố theo địa giới hành chính. Có thể hình dung hệ thống ngân hàng 1 cấp qua mô hình sau:

Theo mô hình 1 cấp, NHNN vừa đảm nhận chức năng quản lý Nhà nước về các mặt hoạt động tiền tệ, ngân hàng, tín dụng và thanh toán vừa thực hiện chức năng kinh doanh của một ngân hàng thương mại.

Kiểu tổ chức hệ thống ngân hàng như thế này thích hợp với đặc thù của cơ chế quản lý kế hoạch tập trung bao cấp lúc bấy giờ. Bởi lẽ, trong thời kỳ này, Nhà nước đóng giữ vai trò chủ đạo trong mọi hoạt động của nền kinh tế, chính vì thế NHNN cũng phải nằm trong tầm kiểm soát của Nhà nước, hoạt động của NHNN đều phải nằm trong khuôn khổ phục vụ cho nhu cầu của nhà nước. Tuy nhiên, khi nền kinh tế chuyển sang cơ chế kinh doanh thì nó tỏ ra kém hiệu quả và không còn phù hợp nữa. Năm 1986 trước sức ép của công cuộc đổi mới kinh tế đòi hỏi hệ thống ngân hàng Việt Nam phải được cải tổ sâu rộng nhằm thích ứng với tình hình và yêu cầu chuyển đổi của nền kinh tế. Từ đó hệ thống ngân hàng Việt Nam bước vào thời kỳ cải tổ dần dần qua từng giai đoạn nhằm chuyển sang mô hình hệ thống ngân hàng 2 cấp. Giai đoạn chuyển đổi từ ngân hàng 1 cấp sang ngân hàng

2 cấp được thực hiện từ 1987 đến 1990, thực hiện theo tinh thần Nghị Định 53HĐBT ngày 26/03/1988 của Hội Đồng Bộ Trưởng. Cụ thể:

(i) Thứ nhất, là việc tách bộ phận Quản lý quỹ Ngân sách Nhà nước ra khỏi Ngân hàng Nhà nước để hình thành Hệ thống Kho bạc Nhà nước, làm chức năng quản lý quỹ Ngân sách cho Chính phủ.

(ii) Thứ hai, là thành lập hệ thống Ngân hàng chuyên doanh và tách chức năng kinh doanh của Ngân hàng Nhà nước giao về cho các ngân hàng chuyên doanh. Điều này được xem như là một bước cải tổ quan trọng vì bước đầu tách bạch rõ ràng được hai chức năng quản lý và kinh doanh của Ngân hàng Nhà nước.

Đánh giá: Theo Nghị định 53, hệ thống ngân hàng Việt Nam được tổ chức thành hệ thống ngân hàng 2 cấp bao gồm: Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng chuyên doanh. Ngân hàng Nhà nước, được tổ chức thành hệ thống từ trung ương đến cấp tỉnh, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tiền tệ và hoạt động ngân hàng. Ngân hàng chuyên doanh bao gồm Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp Việt Nam, Ngân hàng Đầu Tư Xây Dựng Việt Nam và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, thực hiện chức năng kinh doanh theo những lĩnh vực tương ứng với tên gọi.

+ Ưu điểm: là tách được chức năng kinh doanh khỏi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước trao cho hệ thống ngân hàng chuyên doanh.

+ Nhược điểm: - Hệ thống ngân hàng theo Nghị định 53HĐBT vẫn còn mang tính chất độc quyền Nhà nước, chưa cho phép các thành phần kinh tế khác tham gia hoạt động ngân hàng, trong khi chủ trương của Chính phủ là phát triển nền kinh tế đa thành phần.

- Hệ thống Ngân hàng này vẫn chưa chú trọng đến vai trò hoạt động như một ngân hàng trung ương của Ngân hàng Nhà nước.

- Hệ thống ngân hàng tổ chức theo kiểu này còn xa lạ so với hệ thống ngân hàng của các nước có nền kinh tế thị trường. Điều này phần nào làm cản trở quá trình hội nhập và thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

- Hệ thống ngân hàng này vẫn còn thiếu cơ sở pháp lý làm nền tảng cho hoạt động của cả hệ thống khiến cho cả hệ thống lâm vào tình trạng khó khăn vào năm 1990.

Những nhược điểm như vừa nêu trên đòi hỏi một lần nữa phải cải tổ hệ thống ngân hàng Việt Nam. Năm 1990 với sự ra đời của Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước và Pháp lệnh các tổ chức tín dụng, hệ thống ngân hàng Việt Nam bước vào thời kỳ cải tổ lần thứ hai. Đó cũng là thời điểm hệ thống tổ chức ngân hàng được tổ chức theo mô hình 2 cấp hoàn chỉnh.

➤ Thời kỳ sau năm 1990: Hệ thống ngân hàng hoạt động theo mô hình 2 cấp.

Nhu cầu cải tổ hệ thống ngân hàng Việt Nam xuất phát từ yêu cầu chuyển đổi từ cơ chế quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa sang cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước cùng với chủ trương phát triển nền kinh tế đa thành phần.